

Số: 354 /QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên
học kỳ 01 năm học 2024 - 2025

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐHV ngày 20/11/2024 của Hội Đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-HVTTNN ngày 19/11/2021 về việc quy định chế độ học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật sinh viên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Theo đề nghị của phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên có thành tích cao trong học tập và rèn luyện học kỳ 01 năm học 2024 – 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức chi và nguồn kinh phí chi học bổng được áp dụng theo Quy định chế độ học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Điều 3. Phòng Công tác sinh viên; Văn phòng và sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CHO SINH VIÊN
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
(ban hành kèm Quyết định số: 354/QĐ-HVTTNVN ngày 29/ 4/2025 của Giám đốc Học viện)

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
1	202101032	HOÀNG BẢO	KHÁNH	25/07/2003	9.05	0.3	9.35	95	Xuất sắc	K10D	Xuất sắc	9,000,000	
2	202101022	LÊ HUY	HOÀNG	10/04/2003	8.64	0.5	9.14	95	Xuất sắc	K10D	Xuất sắc	9,000,000	
3	202101033	TRẦN TRUNG	KIÊN	27/12/2003	8.97		8.97	89	Tốt	K10D	Giỏi	8,250,000	
4	202105105	LÊ VƯƠNG	TRUNG	28/10/2002	8.41	0.5	8.91	97	Xuất sắc	K10NN	Giỏi	8,250,000	
5	202105010	BÀN HỮU	BẢO	01/02/1999	8.24	0.5	8.74	97	Xuất sắc	K10NN	Giỏi	8,250,000	
6	202105101	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	14/08/2003	8.39	0.3	8.69	95	Xuất sắc	K10NN	Giỏi	8,250,000	
7	202105102	HỒ VĂN	TIỀN	26/11/2002	8.00	0.3	8.30	95	Xuất sắc	K10NN	Giỏi	8,250,000	
8	202102097	LÊ CÔNG	TUẤN	20/04/1997	9.13	0.5	9.63	98	Xuất sắc	K10TN	Xuất sắc	9,000,000	
9	202102094	LÊ VĂN	TRƯỜNG	10/11/2003	9.12	0.4	9.52	92	Xuất sắc	K10TN	Xuất sắc	9,000,000	
10	202102076	PHẠM HUY	THÀNH	18/02/2003	8.76	0.7	9.46	98	Xuất sắc	K10TN	Xuất sắc	9,000,000	
11	202102074	HÀ THỊ	THẨM	02/11/2003	9.03		9.03	93	Xuất sắc	K10TN	Xuất sắc	9,000,000	
12	202106024	BÙI THỊ LÂM	ANH	18/09/2003	8.89	0.5	9.39	98	Xuất sắc	K10CC6	Xuất sắc	9,000,000	
13	202106283	LÊ QUỲNH	NHU'	25/10/2003	8.88	0.5	9.38	96	Xuất sắc	K10CC5	Xuất sắc	9,000,000	
14	202106047	VŨ NGỌC	ANH	24/11/2003	9.16	0.1	9.26	97	Xuất sắc	K10CC5	Xuất sắc	9,000,000	
15	202106233	NGUYỄN XUÂN	MAI	24/07/2003	8.73	0.5	9.23	93	Xuất sắc	K10CC5	Xuất sắc	9,000,000	
16	202106018	PHẠM THỊ BẢO	ANH	21/04/2003	8.78	0.3	9.08	93	Xuất sắc	K10CC5	Xuất sắc	9,000,000	
17	202106082	PHẠM THẾ	ĐOÀN	01/06/2003	8.96	0.1	9.06	94	Xuất sắc	K10CC4	Xuất sắc	9,000,000	
18	202106090	ĐỖ VŨ	DŨNG	15/08/2003	8.74	0.3	9.04	96	Xuất sắc	K10CC5	Xuất sắc	9,000,000	
19	202106041	NGUYỄN XUÂN	ANH	12/08/2003	8.53	0.5	9.03	83	Tốt	K10CC6	Giỏi	8,250,000	
20	202106121	DƯƠNG THU	HẰNG	03/09/2003	8.72	0.3	9.02	93	Xuất sắc	K10CC2	Xuất sắc	9,000,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
21	202106091	PHẠM HOÀNG ANH	DŨNG	15/07/2003	8.81		8.81	87	Tốt	K10CC6	Giỏi	8,250,000	
22	202106038	NGUYỄN THỊ HẢI	ANH	07/09/2003	8.5	0.3	8.80	91	Xuất sắc	K10CC3	Giỏi	8,250,000	
23	202106327	MÙI THỊ	TÂM	17/06/2002	8.28	0.5	8.78	90	Xuất sắc	K10CC7	Giỏi	8,250,000	
24	202106324	HOÀNG MỸ	TÂM	30/10/2003	8.46	0.3	8.76	90	Xuất sắc	K10CC4	Giỏi	8,250,000	
25	202106368	NGUYỄN HÀ	TRANG	06/07/2003	8.74		8.74	82	Tốt	K10CC5	Giỏi	8,250,000	
26	202106309	ĐỖ DIỄM	QUỲNH	30/05/2003	8.21	0.5	8.71	91	Xuất sắc	K10CC3	Giỏi	8,250,000	
27	202106002	NGUYỄN THU	AN	22/05/2003	8.18	0.5	8.68	90	Xuất sắc	K10CC2	Giỏi	8,250,000	
28	202106200	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	28/05/2003	8.15	0.5	8.65	90	Xuất sắc	K10CC1	Giỏi	8,250,000	
29	202106182	NGUYỄN TRÚC	LAM	06/09/2003	8.59		8.59	84	Tốt	K10CC5	Giỏi	8,250,000	
30	202106057	MÙI THỊ	BAN	01/01/2003	8.26	0.3	8.56	85	Tốt	K10CC1	Giỏi	8,250,000	
31	202106322	ĐẶNG THỊ THẢO	SƯƠNG	10/08/2003	8.43	0.1	8.53	91	Xuất sắc	K10CC2	Giỏi	8,250,000	
32	202106132	PHẠM THẢO	HIỀN	11/04/2003	8.21	0.3	8.51	92	Xuất sắc	K10CC5	Giỏi	8,250,000	
33	202104295	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/07/2003	8.86	0.5	9.36	85	Tốt	K10L1	Giỏi	7,755,000	
34	202104107	NGUYỄN THỊ MỸ	HOA	08/03/2002	9.02	0.3	9.32	91	Xuất sắc	K10L5	Xuất sắc	8,460,000	
35	202104191	NGUYỄN THỊ NGỌC	MINH	18/11/2003	8.81	0.5	9.31	91	Xuất sắc	K10L5	Xuất sắc	8,460,000	
36	202104210	LƯU THỊ MINH	NGHĨA	20/05/2003	8.81	0.3	9.11	94	Xuất sắc	K10L6	Xuất sắc	8,460,000	
37	202104123	PHAN DUY	HÙNG	02/07/2003	8.51	0.5	9.01	90	Xuất sắc	K10L3	Xuất sắc	8,460,000	
38	202104087	ĐỖ NGỌC	HÀ	10/03/2003	9		9.00	90	Xuất sắc	K10L3	Xuất sắc	8,460,000	
39	202104156	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	12/11/2002	8.48	0.5	8.98	94	Xuất sắc	K10L6	Giỏi	7,755,000	
40	202104259	NGUYỄN NGỌC	QUYÊN	12/06/2003	8.67	0.3	8.97	85	Tốt	K10L1	Giỏi	7,755,000	
41	202104118	VŨ THỊ	HUỆ	03/10/2003	8.88		8.88	81	Tốt	K10L4	Giỏi	7,755,000	
42	202104007	PHAN THỪA	ÂN	09/11/2003	8.38	0.5	8.88	95	Xuất sắc	K10L1	Giỏi	7,755,000	
43	202104416	PHÙNG QUẾ	TRÂM	17/04/2003	8.33	0.5	8.83	91	Xuất sắc	K10L5	Giỏi	7,755,000	
44	202104279	NGUYỄN MINH	THẮNG	21/05/2001	8.83		8.83	90	Xuất sắc	K10L3	Giỏi	7,755,000	
45	202104213	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	12/12/2003	8.23	0.5	8.73	92	Xuất sắc	K10L3	Giỏi	7,755,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
46	202104182	ĐINH NGỌC	MAI	04/09/2003	8.41	0.3	8.71	90	Xuất sắc	K10L2	Giỏi	7,755,000	
47	202104141	TẠ TUẤN	KHA	25/09/2003	8.71		8.71	90	Xuất sắc	K10L3	Giỏi	7,755,000	
48	202104084	LÊ HƯƠNG	GIANG	03/11/2003	8.68		8.68	85	Tốt	K10L6	Giỏi	7,755,000	
49	202104384	ĐỖ THỊ MAI	KHÁNH	02/09/2003	8.67		8.67	83	Tốt	K10L6	Giỏi	7,755,000	
50	202104242	LÊ THU	PHƯƠNG	14/09/2003	8.33	0.3	8.63	90	Xuất sắc	K10L2	Giỏi	7,755,000	
51	202104387	ĐỖ BẢNG	LINH	12/11/2003	8.53	0.1	8.63	90	Xuất sắc	K10L2	Giỏi	7,755,000	
52	202104315	NGUYỄN HỒNG	TRANG	09/11/2003	8.61		8.61	81	Tốt	K10L3	Giỏi	7,755,000	
53	202104250	VŨ ĐAN	PHƯƠNG	26/11/2003	8.55		8.55	81	Tốt	K10L3	Giỏi	7,755,000	
54	202104368	TẠ THỊ HỒNG	BÌNH	20/06/2003	8.55		8.55	81	Tốt	K10L3	Giỏi	7,755,000	
55	202103077	LÊ NGỌC	TÂM	11/01/2003	8.37	0.3	8.67	90	Xuất sắc	K10XH	Giỏi	8,250,000	
56	202103081	HOÀNG THỊ	THẢO	04/05/2003	8.64		8.64	85	Tốt	K10XH	Giỏi	8,250,000	
57	202103050	TRẦN KHÁNH	LINH	16/12/2003	8.03	0.5	8.53	92	Xuất sắc	K10XH	Giỏi	8,250,000	
58	202103037	NGUYỄN THỊ	HOA	18/01/2003	8.17	0.3	8.47	90	Xuất sắc	K10XH	Giỏi	8,250,000	
59	202107008	VŨ BẢO	CHÂN	08/03/2002	8.81	0.3	9.11	80	Tốt	K10TLH	Giỏi	8,250,000	
60	202107007	DƯƠNG THỊ HỒNG	ÁNH	01/06/2003	8.41	0.5	8.91	87	Tốt	K10TLH	Giỏi	8,250,000	
61	202201047	ĐỖ NGỌC	NHI	03/07/2004	8.86	0.3	9.16	96	Xuất sắc	K11D	Xuất sắc	9,000,000	
62	202201020	DƯƠNG HOÀNG KHÁNH	DUY	01/06/2003	7.80	0.5	8.30	93	Xuất sắc	K11D	Giỏi	8,250,000	
63	202201052	KIỀU THỊ NHƯ	QUỲNH	31/10/2004	7.89	0.3	8.19	83	Tốt	K11D	Giỏi	8,250,000	
64	202205069	ĐẶNG THỊ ÁNH	PHƯƠNG	24/08/2004	8.48	0.5	8.98	95	Xuất sắc	K11NN1	Giỏi	8,250,000	
65	202205055	NGUYỄN HOÀNG	NAM	17/11/2003	8.63	0.3	8.93	95	Xuất sắc	K11NN1	Giỏi	8,250,000	
66	202205087	NGUYỄN LƯƠNG	THIỆN	17/04/2004	8.37	0.5	8.87	90	Xuất sắc	K11NN2	Giỏi	8,250,000	
67	202205095	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	28/08/2004	8.28	0.5	8.78	91	Xuất sắc	K11NN2	Giỏi	8,250,000	
68	202205007	NGUYỄN MAI	ANH	13/06/2003	8.15	0.5	8.65	95	Xuất sắc	K11NN1	Giỏi	8,250,000	
69	202205064	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	07/02/2004	8.07	0.3	8.37	90	Xuất sắc	K11NN2	Giỏi	8,250,000	
70	202202010	TRẦN HỒNG	ANH	16/08/2004	8.29	0.5	8.79	98	Xuất sắc	K11TN	Giỏi	8,250,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
71	202202001	ĐINH THỊ RI	A	26/09/2004	8.45	0.3	8.75	93	Xuất sắc	K11TN	Giỏi	8,250,000	
72	202202019	ĐINH DUY	ĐĂNG	28/02/2004	8.18	0.5	8.68	93	Xuất sắc	K11TN	Giỏi	8,250,000	
73	202202068	PHAN THỊ	QUYÊN	12/06/2004	8.05		8.05	89	Tốt	K11TN	Giỏi	8,250,000	
74	202206009	ĐÀO HÀ	ANH	30/06/2004	8.75	0.5	9.25	93	Xuất sắc	K11CC3	Xuất sắc	9,000,000	
75	202206230	HOÀNG THỊ NHẬT	LINH	26/10/2004	8.35	0.5	8.85	87	Tốt	K11CC1	Giỏi	8,250,000	
76	202206290	TRƯỜNG THỊ KIM	NGÂN	16/01/2004	8.46	0.3	8.76	98	Xuất sắc	K11CC7	Giỏi	8,250,000	
77	202206396	NGUYỄN HƯƠNG	TRANG	13/05/2004	8.24	0.5	8.74	94	Xuất sắc	K11CC1	Giỏi	8,250,000	
78	202206157	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HOA	20/01/2004	8.24	0.5	8.74	98	Xuất sắc	K11CC4	Giỏi	8,250,000	
79	202206279	NGUYỄN TRÀ	MY	31/08/2004	8.23	0.5	8.73	92	Xuất sắc	K11CC3	Giỏi	8,250,000	
80	202206104	PHẠM DUY	DƯƠNG	30/11/2004	8.17	0.5	8.67	90	Xuất sắc	K11CC7	Giỏi	8,250,000	
81	202206254	NGUYỄN HOA	LỢI	10/08/2004	8.34	0.3	8.64	90	Xuất sắc	K11CC3	Giỏi	8,250,000	
82	202206218	HÀ THỊ MAI	LAN	20/11/2001	8.64		8.64	81	Tốt	K11CC6	Giỏi	8,250,000	
83	202206034	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24/10/2004	8.31	0.3	8.61	80	Tốt	K11CC1	Giỏi	8,250,000	
84	202206267	NGUYỄN THỊ QUỲNH	MAI	05/09/2004	8.29	0.3	8.59	82	Tốt	K11CC1	Giỏi	8,250,000	
85	202206152	VŨ THỊ	HIỀN	03/10/2004	8.46	0.1	8.56	85	Tốt	K11CC1	Giỏi	8,250,000	
86	202206253	BÙI THỊ MAI	LOAN	04/04/2002	8.46		8.46	80	Tốt	K11CC2	Giỏi	8,250,000	
87	202206299	NGUYỄN THỊ	NHÀN	15/03/2004	8.38		8.38	83	Tốt	K11CC2	Giỏi	8,250,000	
88	202206066	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	21/01/2004	7.86	0.5	8.36	91	Xuất sắc	K11CC2	Giỏi	8,250,000	
89	202206154	LA VĂN	HIỆP	25/01/2002	8.04	0.3	8.34	87	Tốt	K11CC7	Giỏi	8,250,000	
90	202206384	HỒ NGỌC ĐAN	TIỀN	07/03/2004	8.03	0.3	8.33	84	Tốt	K11CC7	Giỏi	8,250,000	
91	202206356	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	23/11/2004	8.01	0.3	8.31	80	Tốt	K11CC2	Giỏi	8,250,000	
92	202206081	NGUYỄN THỨC TIỀN	ĐẠT	05/01/2004	8.12	0.1	8.22	89	Tốt	K11CC3	Giỏi	8,250,000	
93	202206019	NGÔ LINH	ANH	21/12/2004	8.21		8.21	81	Tốt	K11CC6	Giỏi	8,250,000	
94	202206402	NGUYỄN THỊ	TRANG	07/09/2004	7.90	0.3	8.20	90	Xuất sắc	K11CC2	Giỏi	8,250,000	
95	202206013	LÊ MINH	ANH	03/04/2004	7.69	0.5	8.19	89	Tốt	K11CC6	Giỏi	8,250,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
96	202206435	TRẦN HẢI	YÊN	29/08/2004	7.71	0.3	8.01	85	Tốt	K11CC5	Giỏi	8,250,000	
97	202206074	ĐINH THỊ NGỌC	CHIÊN	09/04/2004	8.63		8.63	77	Khá	K11CC1	Khá	7,500,000	
98	202206312	NGUYỄN THỊ	NHUNG	13/10/2004	8.21		8.21	70	Khá	K11CC2	Khá	7,500,000	
99	202204002	NGUYỄN HỒNG	AN	23/09/2004	8.42	0.5	8.92	98	Xuất sắc	K11L3	Giỏi	7,755,000	
100	202204217	HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	05/09/2004	8.33	0.3	8.63	88	Tốt	K11L6	Giỏi	7,755,000	
101	202204032	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	19/06/2004	8.13	0.5	8.63	95	Xuất sắc	K11L5	Giỏi	7,755,000	
102	202204204	HOÀNG ĐỖ QUỲNH	LAN	21/02/2003	8.04	0.5	8.54	90	Xuất sắc	K11L6	Giỏi	7,755,000	
103	202204377	LÊ THÙY	TRANG	07/08/2004	8.44		8.44	83	Tốt	K11L2	Giỏi	7,755,000	
104	202204404	TRƯƠNG ĐỖ THÙY	VY	12/12/2003	7.88	0.5	8.38	93	Xuất sắc	K11L3	Giỏi	7,755,000	
105	202204405	ĐINH KỲ	VỸ	30/12/2004	7.80	0.5	8.30	96	Xuất sắc	K11L4	Giỏi	7,755,000	
106	202204203	VŨ HOÀNG	LÂM	15/07/2004	7.93	0.3	8.23	90	Xuất sắc	K11L1	Giỏi	7,755,000	
107	202204169	ĐẶNG ĐỨC	HUY	12/06/2004	7.73	0.5	8.23	96	Xuất sắc	K11L1	Giỏi	7,755,000	
108	202204361	NGUYỄN THỊ	TÌNH	13/03/2004	7.87	0.3	8.17	83	Tốt	K11L6	Giỏi	7,755,000	
109	202204161	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	12/10/2004	8.06		8.06	83	Tốt	K11L3	Giỏi	7,755,000	
110	202204406	NGUYỄN THỊ	XUÂN	30/07/2004	8.03		8.03	89	Tốt	K11L1	Giỏi	7,755,000	
111	202204082	HOÀNG THÙY	DUNG	21/12/2004	8.01		8.01	81	Tốt	K11L7	Giỏi	7,755,000	
112	202204369	LƯU HUỲNH	TRANG	14/07/2004	8.00		8.00	81	Tốt	K11L7	Giỏi	7,755,000	
113	202204213	BÙI ĐOÀN PHƯƠNG	LINH	17/01/2004	7.90	0.1	8.00	83	Tốt	K11L6	Giỏi	7,755,000	
114	202204295	VŨ THỊ	NGUYỆT	30/03/2003	7.69	0.3	7.99	81	Tốt	K11L7	Khá	7,050,000	
115	202204040	TRẦN MAI	ANH	27/07/2004	7.68	0.3	7.98	91	Xuất sắc	K11L5	Khá	7,050,000	
116	202204360	NGUYỄN THU	THỦY	07/02/2004	7.61	0.3	7.91	91	Xuất sắc	K11L5	Khá	7,050,000	
117	202204348	NGUYỄN THU	THẢO	26/03/2004	7.59	0.3	7.89	83	Tốt	K11L6	Khá	7,050,000	
118	202204055	QUẢN HUỆ	CHI	08/09/2003	7.38	0.5	7.88	83	Tốt	K11L6	Khá	7,050,000	
119	202204137	TRẦN NGỌC	HOÀN	09/06/2004	7.87		7.87	89	Tốt	K11L1	Khá	7,050,000	
120	202204029	NGUYỄN QUỲNH	ANH	26/11/2004	7.80		7.80	90	Xuất sắc	K11L2	Khá	7,050,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
121	202204326	THÁI THU	SINH	04/11/2004	7.78		7.78	77	Khá	K11L7	Khá	7,050,000	
122	202204332	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	07/07/2004	7.25	0.5	7.75	93	Xuất sắc	K11L1	Khá	7,050,000	
123	202203076	TRIỆU THÚY	NỤ	25/03/2004	8.79	0.5	9.29	95	Xuất sắc	K11XH2	Xuất sắc	9,000,000	
124	202203071	ĐÌNH HƯƠNG	NGÀ	09/05/2004	8.77	0.5	9.27	98	Xuất sắc	K11XH1	Xuất sắc	9,000,000	
125	202203067	PHÙNG THUÝ	MU'	01/05/2004	8.83	0.3	9.13	98	Xuất sắc	K11XH1	Xuất sắc	9,000,000	
126	202203054	MÀO THỊ NGỌC	KIM	23/05/2004	8.69	0.3	8.99	91	Xuất sắc	K11XH1	Giỏi	8,250,000	
127	202203073	PHẠM MINH	NGỌC	23/01/2004	8.94		8.94	88	Tốt	K11XH1	Giỏi	8,250,000	
128	202207018	VŨ THỊ MINH	ANH	01/05/2004	9.12	0.3	9.42	97	Xuất sắc	K11TLH1	Xuất sắc	9,000,000	
129	202207070	PHAN THỊ KHÁNH	LINH	25/04/2004	8.75	0.3	9.05	95	Xuất sắc	K11TLH2	Xuất sắc	9,000,000	
130	202207090	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	26/03/2003	8.77		8.77	91	Xuất sắc	K11TLH1	Giỏi	8,250,000	
131	202207108	NGUYỄN MINH	THIỆN	11/09/2004	8.68		8.68	91	Xuất sắc	K11TLH1	Giỏi	8,250,000	
132	202207049	TRẦN QUỐC	HIẾU	12/10/2003	8.16	0.5	8.66	98	Xuất sắc	K11TLH1	Giỏi	8,250,000	
133	202301092	VŨ PHƯƠNG	THẢO	28/08/2005	8.10	0.3	8.40	94	Xuất sắc	K12XDD2	Giỏi	8,250,000	
134	202301011	LY TRUNG	ĐẠI	11/03/2005	8.06	0.3	8.36	95	Xuất sắc	K12XDD1	Giỏi	8,250,000	
135	202301030	VƯƠNG THỊ	HẠNH	28/08/2005	7.89	0.3	8.19	93	Xuất sắc	K12XDD2	Giỏi	8,250,000	
136	202301079	LÒ VĂN	QUANG	14/05/2005	7.76	0.3	8.06	93	Xuất sắc	K12XDD1	Giỏi	8,250,000	
137	202301029	NGÔ THỊ THU	HẰNG	13/11/2004	7.93		7.93	93	Xuất sắc	K12XDD1	Khá	7,500,000	
138	202301037	NGUYỄN MỸ	HÒA	18/10/2005	7.61	0.3	7.91	93	Xuất sắc	K12XDD1	Khá	7,500,000	
139	202301005	CAO GIA	BÁCH	06/11/2005	7.37	0.5	7.87	93	Xuất sắc	K12XDD1	Khá	7,500,000	
140	202305086	NGUYỄN THÙY	LINH	29/04/2005	7.99		7.99	71	Khá	K12QLNN3	Khá	7,500,000	
141	202305121	THẢO A	PÁO	12/08/2005	7.91		7.91	89	Tốt	K12QLNN3	Khá	7,500,000	
142	202305161	ĐÀM MẠNH	TƯỜNG	05/10/2005	7.82		7.82	89	Tốt	K12QLNN3	Khá	7,500,000	
143	202305076	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	22/04/2005	7.67		7.67	70	Khá	K12QLNN1	Khá	7,500,000	
144	202305133	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	14/05/2005	7.67		7.67	75	Khá	K12QLNN2	Khá	7,500,000	
145	202305102	PHÙNG BẢO	MINH	29/05/2005	7.17	0.5	7.67	85	Tốt	K12QLNN1	Khá	7,500,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
146	202305144	TRẦN ĐÌNH	THÔNG	04/09/2003	7.66		7.66	68	Khá	K12QLNN3	Khá	7,500,000	
147	202305038	PHẠM NGỌC	DUY	20/09/2005	7.11	0.5	7.61	77	Khá	K12QLNN2	Khá	7,500,000	
148	202305131	NGUYỄN THỊ BÍCH	QUYÊN	23/12/2005	7.07	0.5	7.57	87	Tốt	K12QLNN2	Khá	7,500,000	
149	202305087	DƯƠNG THỊ THUỶ	LINH	02/11/2005	7.27	0.3	7.57	81	Tốt	K12QLNN2	Khá	7,500,000	
150	202302037	NGUYỄN THỊ NHẬT	HỒNG	01/04/1998	7.74	0.5	8.24	93	Xuất sắc	K12TN1	Giỏi	8,250,000	
151	202302122	NGUYỄN THU	TRÀ	05/07/2004	7.91	0.3	8.21	81	Tốt	K12TN2	Giỏi	8,250,000	
152	202302043	Nguyễn Phương	Huy	02/06/2004	7.90	0.3	8.20	93	Xuất sắc	K12TN1	Giỏi	8,250,000	
153	202302019	VÕ QUỐC	ĐẠT	15/09/2005	7.52	0.5	8.02	91	Xuất sắc	K12TN1	Giỏi	8,250,000	
154	202302052	ÔNG THỊ NGỌC	KHUÊ	01/06/2005	7.91		7.91	88	Tốt	K12TN2	Khá	7,500,000	
155	202302011	NGUYỄN NGỌC DIỆP	ANH	22/09/2005	7.59		7.59	89	Tốt	K12TN1	Khá	7,500,000	
156	202306360	TRIỆU THỊ	NHUNG	10/01/2005	8.84	0.5	9.34	92	Xuất sắc	K12CC3	Xuất sắc	9,000,000	
157	202306425	THIỆU PHƯƠNG	THẢO	23/09/2005	9.0	0.3	9.30	96	Xuất sắc	K12CC4	Xuất sắc	9,000,000	
158	202306403	NGUYỄN VĂN	TÀI	03/12/2005	8.95	0.3	9.25	98	Xuất sắc	K12CC3	Xuất sắc	9,000,000	
159	202306203	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	19/12/2005	9.17		9.17	83	Tốt	K12CC3	Giỏi	8,250,000	
160	202306233	NGUYỄN THÙY	LINH	15/11/2005	8.83	0.3	9.13	80	Tốt	K12CC1	Giỏi	8,250,000	
161	202306235	LÊ THÀNH	LINH	24/11/2005	8.78	0.3	9.08	85	Tốt	K12CC3	Giỏi	8,250,000	
162	202306015	NGUYỄN THỊ THỰC	ANH	29/08/2005	8.58	0.3	8.88	92	Xuất sắc	K12CC5	Giỏi	8,250,000	
163	202306031	PHAN NGUYỄN TÂM	ANH	31/01/2005	8.24	0.5	8.74	98	Xuất sắc	K12CC8	Giỏi	8,250,000	
164	202306525	TRỊNH HẢI	YẾN	22/06/2004	8.65		8.65	82	Tốt	K12CC5	Giỏi	8,250,000	
165	202306057	NGUYỄN HỒNG	ÁNH	19/06/2005	8.63		8.63	88	Tốt	K12CC5	Giỏi	8,250,000	
166	202306493	LÊ THỊ HOÀI	TRANG	26/09/2004	8.62		8.62	86	Tốt	K12CC5	Giỏi	8,250,000	
167	202306291	PHÙNG THỊ HẢI	LÝ	15/07/2005	8.54		8.54	83	Tốt	K12CC6	Giỏi	8,250,000	
168	202306332	TRỊNH VŨ HỒNG	NGỌC	11/04/2005	8.02	0.5	8.52	98	Xuất sắc	K12CC4	Giỏi	8,250,000	
169	202306496	NGUYỄN THỊ	TRÚC	17/03/2005	8.52		8.52	84	Tốt	K12CC6	Giỏi	8,250,000	
170	202306512	VŨ THỊ THANH	VÂN	29/04/2005	8.45		8.45	80	Tốt	K12CC1	Giỏi	8,250,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
171	202306451	HỒ THỊ THANH	THUY	09/04/2005	8.45		8.45	90	Xuất sắc	K12CC2	Giỏi	8,250,000	
172	202306341	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	06/03/2005	8.45		8.45	82	Tốt	K12CC5	Giỏi	8,250,000	
173	202306261	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	26/12/2005	8.44		8.44	90	Xuất sắc	K12CC2	Giỏi	8,250,000	
174	202306084	PHẠM THỊ KIỀU	CHINH	22/09/2004	8.42		8.42	81	Tốt	K12CC8	Giỏi	8,250,000	
175	202306381	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	10/05/2003	8.42		8.42	89	Tốt	K12CC8	Giỏi	8,250,000	
176	202306386	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	28/07/2005	8.42		8.42	81	Tốt	K12CC8	Giỏi	8,250,000	
177	202306442	NGÔ THỊ THANH	THU	08/12/2005	8.42		8.42	83	Tốt	K12CC8	Giỏi	8,250,000	
178	202306051	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	ANH	27/08/2005	8.41		8.41	81	Tốt	K12CC8	Giỏi	8,250,000	
179	202306475	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	06/11/2005	8.41		8.41	82	Tốt	K12CC8	Giỏi	8,250,000	
180	202306520	PHẠM NGUYỄN TUỜNG	VY	27/11/2005	8.40		8.40	81	Tốt	K12CC3	Giỏi	8,250,000	
181	202306068	TRẦN THỊ	BÌNH	22/06/2005	8.40		8.40	89	Tốt	K12CC5	Giỏi	8,250,000	
182	202306246	DƯ THỊ KHÁNH	LINH	04/01/2004	8.39		8.39	85	Tốt	K12CC5	Giỏi	8,250,000	
183	202306311	VŨ NGUYỄN TRÀ	MY	28/11/2005	8.29		8.29	81	Tốt	K12CC3	Giỏi	8,250,000	
184	202306349	PHẠM YẾN	NHI	21/03/2005	8.29		8.29	89	Tốt	K12CC5	Giỏi	8,250,000	
185	202306001	NGUYỄN ĐỨC	AN	10/08/2005	7.98	0.3	8.28	94	Xuất sắc	K12CC4	Giỏi	8,250,000	
186	202306457	TRẦN THU	THỦY	03/11/2005	8.28		8.28	82	Tốt	K12CC8	Giỏi	8,250,000	
187	202306279	PHẠM DUY	LONG	13/11/2005	8.26		8.26	86	Tốt	K12CC5	Giỏi	8,250,000	
188	202304309	VŨ NGUYỄN ANH	THU	07/10/2005	8.15	0.3	8.45	88	Tốt	K12L4	Giỏi	7,755,000	
189	202304231	TRẦN MINH	NGUYỆT	21/06/2005	8.45		8.45	90	Xuất sắc	K12L4	Giỏi	7,755,000	
190	202304033	NGUYỄN HỒNG	ANH	25/06/2005	7.93	0.5	8.43	82	Tốt	K12L4	Giỏi	7,755,000	
191	202304090	ĐỖ THỊ	GIANG	12/05/2005	8.35		8.35	81	Tốt	K12L1	Giỏi	7,755,000	
192	202304197	ĐỖ HỒNG XUÂN	MAI	20/08/2005	7.79	0.5	8.29	93	Xuất sắc	K12L1	Giỏi	7,755,000	
193	202304193	NGUYỄN XUÂN	MAI	11/06/2005	7.91	0.3	8.21	91	Xuất sắc	K12L3	Giỏi	7,755,000	
194	202304143	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	23/08/2005	8.18		8.18	91	Xuất sắc	K12L3	Giỏi	7,755,000	
195	202304307	VŨ HẢI	THU	28/11/2005	8.17		8.17	94	Xuất sắc	K12L2	Giỏi	7,755,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
196	202304037	TRỊNH CHÂU	ANH	22/10/2005	8.09		8.09	81	Tốt	K12L4	Giỏi	7,755,000	
197	202304045	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	22/03/2005	7.77	0.3	8.07	93	Xuất sắc	K12L1	Giỏi	7,755,000	
198	202304264	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	15/06/2005	8.03		8.03	80	Tốt	K12L1	Giỏi	7,755,000	
199	202304002	NGUYỄN ĐỨC	AN	25/11/2005	7.50	0.5	8.00	93	Xuất sắc	K12L5	Giỏi	7,755,000	
200	202304327	TRẦN KHÁNH	TRANG	01/08/2005	7.97		7.97	91	Xuất sắc	K12L3	Khá	7,050,000	
201	202304025	TRẦN NGỌC	ANH	08/10/2005	7.45	0.5	7.95	96	Xuất sắc	K12L6	Khá	7,050,000	
202	202304029	ĐẶNG TRẦN QUỲNH	ANH	25/11/2005	7.94		7.94	86	Tốt	K12L1	Khá	7,050,000	
203	202304320	PHAN NGUYỄN CHÍ	TÍN	02/07/2005	7.61	0.3	7.91	93	Xuất sắc	K12L5	Khá	7,050,000	
204	202304109	HOÀNG GIA	HIỀN	26/11/2005	7.60	0.3	7.90	82	Tốt	K12L4	Khá	7,050,000	
205	202304178	PHẠM HOÀNG DIỆU	LINH	04/08/2005	7.86		7.86	81	Tốt	K12L1	Khá	7,050,000	
206	202304336	NGUYỄN CẨM	TÚ	29/01/2005	7.83		7.83	93	Xuất sắc	K12L4	Khá	7,050,000	
207	202304040	PHẠM NGỌC KIỀU	ANH	27/08/2004	7.83		7.83	81	Tốt	K12L5	Khá	7,050,000	
208	202304108	VŨ THU	HIỀN	21/10/2005	7.73	0.1	7.83	86	Tốt	K12L4	Khá	7,050,000	
209	202304064	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	20/09/2004	7.81		7.81	70	Khá	K12L1	Khá	7,050,000	
210	202304102	TRẦN HỒNG	HẠNH	22/12/2005	7.8		7.80	83	Tốt	K12L6	Khá	7,050,000	
211	202304099	NGUYỄN THANH	HÀNG	08/09/2005	7.79		7.79	81	Tốt	K12L1	Khá	7,050,000	
212	202304232	BÙI THANH	NHÀN	31/05/2004	7.78		7.78	84	Tốt	K12L3	Khá	7,050,000	
213	202303100	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	16/01/2005	8.64	0.3	8.94	91	Xuất sắc	K12XH1	Giỏi	8,250,000	
214	202303063	CHOÁNG THỊ	HUYỀN	19/02/2005	8.27	0.5	8.77	92	Xuất sắc	K12XH3	Giỏi	8,250,000	
215	202303096	QUÁCH MINH	NGỌC	07/04/2005	8.44	0.3	8.74	96	Xuất sắc	K12XH3	Giỏi	8,250,000	
216	202303121	VŨ MINH	SÁNG	08/03/2005	8.14	0.5	8.64	95	Xuất sắc	K12XH1	Giỏi	8,250,000	
217	202303010	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	04/12/2005	8.07	0.5	8.57	91	Xuất sắc	K12XH1	Giỏi	8,250,000	
218	202303030	NGÔ THUỶ	DƯƠNG	26/09/2005	8.37		8.37	83	Tốt	K12XH3	Giỏi	8,250,000	
219	202303118	PHẠM THỊ HƯƠNG	QUỲNH	11/12/2003	7.96		7.96	81	Tốt	K12XH1	Khá	7,500,000	
220	202303029	NGUYỄN THU	DƯƠNG	03/06/2005	7.44	0.5	7.94	95	Xuất sắc	K12XH2	Khá	7,500,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
221	202307266	VŨ QUỐC	TRUNG	18/11/2003	8.13	0.5	8.63	98	Xuất sắc	K12TLH4	Giỏi	8,250,000	
222	202307261	LÊ THỊ	TRANG	28/08/2004	8.11	0.3	8.41	91	Xuất sắc	K12TLH1	Giỏi	8,250,000	
223	202307263	NGUYỄN THU	TRANG	07/07/2005	8.1	0.3	8.40	96	Xuất sắc	K12TLH3	Giỏi	8,250,000	
224	202307168	ĐINH THỊ LI	NA	19/08/2005	8.33		8.33	90	Xuất sắc	K12TLH3	Giỏi	8,250,000	
225	202307038	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	12/04/2005	7.77	0.5	8.27	94	Xuất sắc	K12TLH1	Giỏi	8,250,000	
226	202307059	LÊ NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	06/11/2005	8.21		8.21	90	Xuất sắc	K12TLH1	Giỏi	8,250,000	
227	202307052	VŨ THỊ	DUNG	08/07/2005	7.8	0.3	8.10	95	Xuất sắc	K12TLH4	Giỏi	8,250,000	
228	202307062	NGUYỄN THỊ ÁNH	DƯƠNG	10/12/2005	7.56	0.5	8.06	96	Xuất sắc	K12TLH3	Giỏi	8,250,000	
229	202307092	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	19/03/2005	7.89	0.1	7.99	93	Xuất sắc	K12TLH1	Khá	7,500,000	
230	202307119	TRƯƠNG HÀ	LINH	26/07/2005	7.94		7.94	90	Xuất sắc	K12TLH3	Khá	7,500,000	
231	202307027	LÊ TUẤN	ANH	08/11/2004	7.93		7.93	90	Xuất sắc	K12TLH3	Khá	7,500,000	
232	202307010	VŨ HUYỀN	ANH	12/07/2005	7.89		7.89	80	Tốt	K12TLH3	Khá	7,500,000	
233	202307217	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	15/10/2005	7.86		7.86	80	Tốt	K12TLH3	Khá	7,500,000	
234	202307148	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	LY	13/08/2005	7.69		7.69	91	Xuất sắc	K12TLH2	Khá	7,500,000	
235	202307282	LƯU HÀ	VI	04/06/2005	7.69		7.69	91	Xuất sắc	K12TLH3	Khá	7,500,000	
236	202307073	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	01/07/2005	7.63		7.63	80	Tốt	K12TLH3	Khá	7,500,000	
237	202401142	LÊ ANH	MINH	03/10/2005	7.81		7.81	74	Khá	K13D2	Khá	7,500,000	
238	202401121	NGUYỄN HOÀNG	LINH	20/09/2006	7.71		7.71	80	Tốt	K13D2	Khá	7,500,000	
239	202401157	PHAN VĂN	NHUẬN	15/02/2006	7.68		7.68	66	Khá	K13D2	Khá	7,500,000	
240	202401083	TRẦN VIỆT	HOÀNG	18/06/2006	7.48		7.48	70	Khá	K13D3	Khá	7,500,000	
241	202401221	BÙI ANH	TUẤN	28/12/2006	7.37		7.37	68	Khá	K13D3	Khá	7,500,000	
242	202401087	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	07/03/2006	7.20	0.1	7.30	80	Tốt	K13D1	Khá	7,500,000	
243	202401148	PHAN THANH	MINH	15/03/2006	7.23		7.23	81	Tốt	K13D2	Khá	7,500,000	
244	202401127	TÔ GIA	LINH	22/07/2006	7.09		7.09	68	Khá	K13D2	Khá	7,500,000	
245	202405016	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH	01/07/2006	8.00		8.00	90	Xuất sắc	K13NN2	Giỏi	8,250,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
246	202405028	CAO THỊ NGÂN	DUNG	03/12/2006	7.67	0.3	7.97	82	Tốt	K13NN2	Khá	7,500,000	
247	202405070	NGUYỄN VIỆT DUY	HÙNG	11/03/2006	7.46	0.5	7.96	90	Xuất sắc	K13NN2	Khá	7,500,000	
248	202405036	ĐỖ VĂN	ĐÔNG	17/04/2006	7.59	0.3	7.89	90	Xuất sắc	K13NN1	Khá	7,500,000	
249	202405051	TRẦN VĂN	HẬU	21/05/2004	7.73		7.73	88	Tốt	K13NN1	Khá	7,500,000	
250	202405020	NÔNG THỊ	BIẾC	09/05/2006	7.61		7.61	85	Tốt	K13NN3	Khá	7,500,000	
251	202405027	TRẦN THỊ XUÂN	DIỆU	30/10/2006	7.53		7.53	78	Khá	K13NN1	Khá	7,500,000	
252	202405117	NINH THỊ	NHÀN	21/08/2006	7.03	0.5	7.53	93	Xuất sắc	K13NN1	Khá	7,500,000	
253	202405066	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	27/10/2006	7.37		7.37	80	Tốt	K13NN1	Khá	7,500,000	
254	202405067	TRẦN LÊ PHƯƠNG	HUYỀN	17/05/2006	7.23	0.1	7.33	81	Tốt	K13NN2	Khá	7,500,000	
255	202405102	ĐINH NGỌC	MAI	26/09/2006	7.29		7.29	80	Tốt	K13NN1	Khá	7,500,000	
256	202405103	TRẦN THỊ THANH	MAI	24/04/2006	7.21		7.21	76	Khá	K13NN2	Khá	7,500,000	
257	202405135	TRẦN ANH	QUÂN	09/10/2006	7.18		7.18	80	Tốt	K13NN1	Khá	7,500,000	
258	202405021	NGUYỄN MINH	CHÂU	25/03/2006	7.05	0.1	7.15	88	Tốt	K13NN1	Khá	7,500,000	
259	202402173	BÙI QUANG	THÁI	08/10/2003	7.54	0.5	8.04	89	Tốt	K13TN3	Giỏi	8,250,000	
260	202402059	VŨ THUÝ	HẢO	30/04/2006	7.4	0.3	7.67	89	Tốt	K13TN3	Khá	7,500,000	
261	202402018	TRẦN CẨM	ANH	18/04/2006	7.08	0.5	7.58	93	Xuất sắc	K13TN1	Khá	7,500,000	
262	202402085	ĐỖ NGỌC	KHÁNH	20/07/2006	7.18	0.3	7.48	88	Tốt	K13TN2	Khá	7,500,000	
263	202402013	NGUYỄN THỊ MỸ	ANH	16/06/2006	7.23		7.23	66	Khá	K13TN2	Khá	7,500,000	
264	202402122	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	13/05/2006	7.23		7.23	84	Tốt	K13TN3	Khá	7,500,000	
265	202402060	PHẠM NGỌC MINH	HẰNG	06/07/2006	7.11		7.11	68	Khá	K13TN1	Khá	7,500,000	
266	202402053	TRIỆU THỊ THU	HÀ	10/07/2005	7.01	0.1	7.11	89	Tốt	K13TN3	Khá	7,500,000	
267	202402119	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LY	30/03/2006	7.09		7.09	81	Tốt	K13TN3	Khá	7,500,000	
268	202402002	ĐỖ QUỲNH	ANH	31/07/2006	7.06		7.06	80	Tốt	K13TN3	Khá	7,500,000	
269	202402058	BÙI THỊ PHƯƠNG	HẢO	30/11/2006	7.04		7.04	68	Khá	K13TN2	Khá	7,500,000	
270	202402035	ĐÀM TUẤN	DU	02/08/2005	7.04		7.04	75	Khá	K13TN3	Khá	7,500,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
271	202406025	LÊ HẢI	ĐĂNG	16/09/2006	8.56	0.3	8.86	92	Xuất sắc	K13CC2	Giỏi	8,250,000	
272	202406003	LÊ MINH	ANH	20/10/2006	8.23	0.5	8.73	89	Tốt	K13CC1	Giỏi	8,250,000	
273	202406080	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NHI	12/11/2006	8.37	0.3	8.67	87	Tốt	K13CC1	Giỏi	8,250,000	
274	202406009	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	20/06/2006	8.30	0.3	8.60	83	Tốt	K13CC2	Giỏi	8,250,000	
275	202406075	PHÙNG THỊ HỒNG	NGỌC	19/05/2006	8.51		8.51	81	Tốt	K13CC2	Giỏi	8,250,000	
276	202406096	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	20/05/2006	7.82	0.5	8.32	83	Tốt	K13CC2	Giỏi	8,250,000	
277	202406027	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	02/11/2006	8.17		8.17	80	Tốt	K13CC2	Giỏi	8,250,000	
278	202406037	NGUYỄN THỊ THÚY	HOÀI	26/01/2006	8.15		8.15	80	Tốt	K13CC2	Giỏi	8,250,000	
279	202306427	BÙI THANH	THẢO	29/06/2005	8.11		8.11	80	Tốt	K13CC2	Giỏi	8,250,000	
280	202404052	ĐẶNG THỊ HUYỀN	CHÂU	06/03/2006	8.14	0.5	8.64	90	Xuất sắc	K13L5	Giỏi	7,755,000	
281	202404102	NGUYỄN THU	GIANG	03/08/2006	8.45		8.45	80	Tốt	K13L6	Giỏi	7,755,000	
282	202404197	HOÀNG ĐẶNG NGỌC	LINH	25/10/2006	8.12	0.3	8.42	90	Xuất sắc	K13L5	Giỏi	7,755,000	
283	202404314	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/04/2006	8.00	0.3	8.30	83	Tốt	K13L2	Giỏi	7,755,000	
284	202404139	HOÀNG NGỌC	HỒNG	30/10/2006	7.91	0.3	8.21	91	Xuất sắc	K13L1	Giỏi	7,755,000	
285	202404296	DƯƠNG QUANG	SÁNG	06/08/2006	8.09		8.09	80	Tốt	K13L2	Giỏi	7,755,000	
286	202404357	ĐÀO VIỆT	TUẤT	12/02/2006	7.79	0.3	8.09	93	Xuất sắc	K13L3	Giỏi	7,755,000	
287	202404059	HOÀNG THỊ KHÁNH	CHI	13/04/2006	8.08		8.08	85	Tốt	K13L5	Giỏi	7,755,000	
288	202404105	BÙI ĐỨC	HÀ	25/08/2005	7.43	0.5	7.93	85	Tốt	K13L4	Khá	7,050,000	
289	202404198	HOÀNG NGỌC	LINH	08/10/2006	7.89		7.89	80	Tốt	K13L6	Khá	7,050,000	
290	202404063	TRẦN KHÁNH	CHI	25/07/2006	7.35	0.5	7.85	90	Xuất sắc	K13L3	Khá	7,050,000	
291	202404225	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	LY	12/10/2006	7.35	0.5	7.85	84	Tốt	K13L3	Khá	7,050,000	
292	202404085	HOÀNG THỊ THÙY	DUNG	07/02/2006	7.79		7.79	87	Tốt	K13L1	Khá	7,050,000	
293	202404377	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	03/08/2006	7.77		7.77	71	Khá	K13L1	Khá	7,050,000	
294	202404366	HOÀNG THỊ YÊN	VI	09/07/2006	7.75		7.75	80	Tốt	K13L6	Khá	7,050,000	
295	202404065	NGUYỄN THỊ	CHINH	21/01/2004	7.42	0.3	7.72	87	Tốt	K13L5	Khá	7,050,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
296	202404282	TRẦN THỊ LAN	PHƯƠNG	11/07/2006	7.62		7.62	81	Tốt	K13L6	Khá	7,050,000	
297	202404089	BÙI ĐẮC	ĐUỘC	12/10/2006	7.61		7.61	68	Khá	K13L5	Khá	7,050,000	
298	202404203	NGUYỄN KHÁNH	LINH	08/01/2006	7.50	0.1	7.60	81	Tốt	K13L1	Khá	7,050,000	
299	202404095	PHẠM THÙY	DƯƠNG	16/09/2006	7.58		7.58	84	Tốt	K13L5	Khá	7,050,000	
300	202404240	PHAN TRÀ	MY	05/06/2006	7.58		7.58	80	Tốt	K13L6	Khá	7,050,000	
301	202404278	LÊ THÙY	PHƯƠNG	11/05/2006	7.57		7.57	73	Khá	K13L2	Khá	7,050,000	
302	202404245	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	25/11/2006	7.57		7.57	67	Khá	K13L5	Khá	7,050,000	
303	202404021	NGUYỄN ĐỨC	ANH	07/05/2005	7.55		7.55	81	Tốt	K13L3	Khá	7,050,000	
304	202404038	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	09/03/2006	7.52		7.52	75	Khá	K13L2	Khá	7,050,000	
305	202404145	TRƯƠNG VĂN	HÙNG	04/01/2006	7.51		7.51	69	Khá	K13L1	Khá	7,050,000	
306	202404097	TRẦN THỊ	DUYÊN	26/02/2006	7.46		7.46	71	Khá	K13L1	Khá	7,050,000	
307	202404115	LÊ THÚY	HẠNH	31/07/2006	7.46		7.46	68	Khá	K13L1	Khá	7,050,000	
308	202404308	HẠ HỒNG	THANH	04/11/2006	7.45		7.45	72	Khá	K13L2	Khá	7,050,000	
309	202403234	TRIỆU THỊ	SEN	20/04/2006	8.11	0.3	8.41	87	Tốt	K13XH4	Giỏi	8,250,000	
310	202403090	MAI KIM	HOÀN	13/07/2006	7.79		7.79	71	Khá	K13XH5	Khá	7,500,000	
311	202403194	ĐẶNG THẢO	NGUYỄN	21/07/2006	7.43	0.3	7.73	77	Khá	K13XH4	Khá	7,500,000	
312	202403197	HÀ THỊ	NGUYỆT	30/10/2006	7.42		7.42	94	Xuất sắc	K13XH2	Khá	7,500,000	
313	202403045	ĐÀM THU	CÚC	05/01/2006	7.10	0.3	7.40	85	Tốt	K13XH5	Khá	7,500,000	
314	202403054	ĐINH HỮU	ĐỨC	05/12/2006	7.33		7.33	78	Khá	K13XH4	Khá	7,500,000	
315	202403173	ĐỖ TRUNG	MINH	28/10/2002	7.31		7.31	65	Khá	K13XH3	Khá	7,500,000	
316	202403015	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24/05/2006	7.30		7.30	65	Khá	K13XH5	Khá	7,500,000	
317	202403028	TRỊNH HỒNG	ÁNH	30/11/2003	7.20		7.20	71	Khá	K13XH3	Khá	7,500,000	
318	202403188	ĐẶNG ÁNH	NGỌC	10/01/2006	7.20		7.20	75	Khá	K13XH3	Khá	7,500,000	
319	202403087	PHÙNG THỊ	HOA	06/05/2006	7.19		7.19	71	Khá	K13XH2	Khá	7,500,000	
320	202403078	NGUYỄN THỊ	HÀO	04/10/2005	7.16		7.16	78	Khá	K13XH3	Khá	7,500,000	

TT	MSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm trung bình học tập			Điểm rèn luyện		Lớp	Đạt học bổng loại	Số tiền	Ghi chú
					Điểm	Cộng ưu tiên	Tổng	Điểm	Xếp loại				
321	202403096	LƯU THỊ MINH	HUẾ	14/12/2006	7.14		7.14	73	Khá	K13XH1	Khá	7,500,000	
322	202403056	LÝ THÙY	DUNG	22/03/2006	7.04		7.04	73	Khá	K13XH1	Khá	7,500,000	
323	202403049	TRẦN TRUNG	ĐẠT	20/04/2006	7.02		7.02	77	Khá	K13XH4	Khá	7,500,000	
324	202407028	HỒ THỊ	HIỀN	13/03/2005	8.22	0.5	8.72	97	Xuất sắc	K13TLH2	Giỏi	8,250,000	
325	202407016	TRẦN THỊ BÍCH	DIỆP	07/07/2006	7.37	0.5	7.87	85	Tốt	K13TLH2	Khá	7,500,000	
326	202407062	HỒ ĐÀO XUÂN	MAI	23/07/2006	7.81		7.81	73	Khá	K13TLH2	Khá	7,500,000	
327	202407094	DƯƠNG THỊ	TRANG	30/01/2006	7.63		7.63	82	Tốt	K13TLH2	Khá	7,500,000	
328	202407050	LÝ THỊ PHƯƠNG	LINH	09/10/2006	7.27	0.3	7.57	95	Xuất sắc	K13TLH2	Khá	7,500,000	
329	202407031	HỒ THỊ THU	HOÀI	03/08/2006	7.17	0.3	7.47	78	Khá	K13TLH1	Khá	7,500,000	
330	202407012	TRẦN THỊ MINH	CHÂU	03/05/2006	7.46		7.46	75	Khá	K13TLH2	Khá	7,500,000	
TỔNG:												2,604,960,000	

Danh sách này bao gồm 330 sinh viên./.